

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thẩm định giá

Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để lựa chọn đơn vị thẩm định giá hàng hóa gói thầu mua sắm các mặt hàng vật tư y tế sử dụng trong các kỹ thuật điều trị rối loạn nhịp tim thuộc dự toán cung ứng các mặt hàng vật tư y tế thuộc Thông tư số 04/2017/TT-BYT lần 1 năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: DS Lê Thị Kiên – Nhân viên Khoa dược - Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An. Số điện thoại liên hệ: 0976448884.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Bệnh viện nhận trực tiếp tại địa chỉ: DS Lê Thị Kiên, SĐT: 0976448884. Khoa Dược, Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An, Km Số 5, Đại lộ Lê Nin, Xóm 14, Xã Nghi Phú, Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 5 tháng 9 năm 2023 đến trước 17h ngày 15 tháng 9 năm 2023
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Nội dung thẩm định giá: thẩm định giá các mặt hàng vật tư y tế sử dụng trong các kỹ thuật điều trị rối loạn nhịp tim năm 2024 tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An.

(Chi tiết danh mục tại phụ lục đính kèm)

- Yêu cầu hồ sơ chào giá gồm các tài liệu sau:

- Báo giá dịch vụ thẩm định giá;
- Bản sao giấy đăng ký kinh doanh, hồ sơ công bố đủ điều kiện thẩm định giá (nếu có).

3. Thời gian bàn giao chứng thư thẩm định giá dự kiến: theo thảo thuận trong hợp đồng giữa bệnh viện và đơn vị thẩm định giá.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không yêu cầu.

5. Các thông tin khác (nếu có): Không yêu cầu

Rất mong nhận được sự tham gia từ phía các đơn vị cung cấp dịch vụ thẩm định giá. Kết quả thẩm định giá do quý công ty cung cấp là căn cứ để Bệnh viện tham khảo xây dựng giá gói thầu và đơn vị thẩm định giá chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định do đơn vị cung cấp. *NT*

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc (đề b/c);
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, TCKT, KD. *uu/*

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Hồng Phương





PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG VẬT TƯ Y TẾ SỬ DỤNG TRONG CÁC KỸ THUẬT ĐIỀU TRỊ RỐI LOẠN NHỊP TIM NĂM 2024 TẠI
BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ ĐA KHOA NGHỆ AN

(Ban hành kèm theo Thông báo số 2134 /TB-BV ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An)

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
1	VT841	Bộ dây truyền lạnh	Sử dụng với Catheter đốt tưới dung dịch	Cái	5
2	VT824	Bộ dụng cụ mở đường động mạch	Có loại kích thước sheath từ 4Fr đến 7Fr; Có loại chiều dài từ 5cm đến 24cm. Dây dẫn đường thép không rỉ. Có loại đường kính: 0.018" , 0.021" , 0.025"; dài ≥45cm. Có dao rạch đi kèm. Tiêu chuẩn FDA	Bộ/Cái	1.000
3	VT810	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch đùi	Dụng cụ mở đường đùi (Sheath). Có các kích cỡ từ 5F đến 8F. Chiều dài ≤11cm. Có Guidewire đi kèm, chất liệu thép không rỉ, đường kính ≤ 0.038". Dài từ 40 đến 50 cm.	Bộ/Cái	400
4	VT812	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch đùi	Kích thước tối thiểu ≤5Fr, tối đa ≥9Fr. Chiều dài dụng cụ ≥11cm. Bao gồm: Dụng cụ mở đường với van cầm máu; dây dẫn đường (đầu thẳng hoặc đầu cong) đường kính 0.035" hoặc 0.038", chiều dài ≥45cm. Tiêu chuẩn FDA.	Bộ/Cái	800
5	VT823	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch đùi	Dụng cụ mở đường đùi (Sheath). Có loại kích cỡ từ 5Fr đến 8Fr. Chiều dài ≤11cm. Chất liệu polyethylene và Polypropylene hoặc tương đương. Có Guidewire đi kèm. Chất liệu thép không rỉ. Đường kính tối đa ≤ 0.038" (0.97mm). Dài ≥50cm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA	Bộ/Cái	1.000
6	VT811	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay	Có loại kích thước sheath 5F và 6F. Có loại chiều dài từ 11cm đến 16cm. Dây dẫn đường thép không rỉ, Có loại đường kính: 0.021" , 0.025". Dài từ 40 đến 50 cm.	Bộ/Cái	310
7	VT813	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu	Kích thước tối thiểu ≤4Fr, tối đa ≥8Fr. Chiều dài tối thiểu ≤ 5cm, tối đa ≥ 24cm. Dây dẫn đường thép không rỉ, Có loại đường kính: 0.018" , 0.021" , 0.025", Chiều dài tối thiểu ≤ 45cm, tối đa ≥ 80cm. Đạt tiêu chuẩn FDA	Bộ/Cái	1.100

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
8	VT814	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu	Kích thước: 8 F hoặc 8.5 F Chiều dài sheath: ≥ 50 cm Que nong chiều dài ≥ 60 cm Dây dẫn đường dài ≥ 100 cm	Bộ/Cái	22
9	VT815	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu	Kích thước sheath 4-9Fr; dài từ 5cm đến 24cm. Dây dẫn đường thép không rỉ, Có loại các đường kính: 0.018", 0.021", 0.025" Có chốt khóa cầm máu	Bộ/Cái	1.000
10	VT818	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu	Kích thước tối thiểu ≤ 5 Fr, tối đa ≥ 7 Fr. Chiều dài dụng cụ ≥ 10 cm. Bao gồm: Dụng cụ mở đường với van cầm máu; dây dẫn đường (đầu thẳng hoặc đầu cong) đường kính ≥ 0.018 ", chiều dài ≥ 45 cm; Kim luồn 20G hoặc 21G hoặc 22G.	Bộ/Cái	30
11	VT819	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu ngoại biên	Dụng cụ mở đường đùi (Sheath). Kích cỡ tối thiểu ≤ 5 Fr, tối đa ≥ 8 Fr. Chiều dài tối thiểu ≤ 45 cm, tối đa ≥ 90 cm. Có Guirewire đi kèm. Đường kính tối đa ≤ 0.038 " (0.97mm);	Bộ/Cái	100
12	VT833	Cáp nối cho điện cực chẩn đoán 4 điện cực	Sử dụng với Catheter chẩn đoán Loại 4 điện cực. Các kênh được chỉ dẫn kết nối. Chiều dài ≥ 100 cm	Cái	200
13	VT787	Cáp nối dài cho catheter chẩn đoán 20 điện cực	Sử dụng với Catheter chẩn đoán Loại 20 điện cực. Các kênh được chỉ dẫn kết nối. Chiều dài ≥ 100 cm	Cái	10
14	VT783	Cáp nối dài cho catheter đốt	Sử dụng với các loại catheter đốt đầu uốn cong 2 hướng	Cái	40
15	VT785	Cáp nối dài cho catheter đốt	Sử dụng với các loại catheter đốt đầu uốn cong 1 hướng	Cái	40
16	VT839	Cáp nối dài cho catheter đốt	Sử dụng với các loại catheter đốt đầu uốn cong 2 hướng, có hệ thống lái	Cái	20
17	VT831	Cáp nối với catheter chẩn đoán 10 điện cực	Sử dụng với Catheter chẩn đoán Loại 10 điện cực. Các kênh được chỉ dẫn kết nối. Chiều dài ≥ 100 cm	Cái	60
18	VT786	Catheter (ống thông) điều trị rối loạn nhịp tim	Catheter đốt, đầu uốn cong 1 hướng. Kích thước 5F hoặc 6F hoặc 7F. Theo dõi nhiệt độ và điện trở. Đa dạng độ cong. Chiều dài ≥ 100 cm	Cái	80
19	VT782	Catheter (ống thông) điều trị rối loạn nhịp tim	Catheter đốt, đầu uốn cong 2 hướng. Kích thước 5F hoặc 6F hoặc 7F. Theo dõi nhiệt độ và điện trở. Đa dạng độ cong. Chiều dài ≥ 100 cm	Cái	80
20	VT838	Catheter (ống thông) điều trị rối loạn nhịp tim	Catheter đốt, đầu uốn cong 2 hướng. Kích thước 5F hoặc 6F hoặc 7F. Theo dõi nhiệt độ và điện trở. Đa dạng độ cong. Có hệ thống lái. Chiều dài ≥ 100 cm	Cái	40

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
21	VT830	Catheter chẩn đoán 10 điện cực	Catheter chẩn đoán loại 10 điện cực. Kích thước các cỡ: 4F hoặc 5F hoặc 6F. Đầu catheter mềm. Nhiều kiểu cong. Chiều dài: từ 80 cm đến 120 cm	Cái	120
22	VT828	Catheter chẩn đoán 4 điện cực	Catheter chẩn đoán loại 4 điện cực. Kích thước các cỡ: 4F hoặc 5F hoặc 6F. Đầu catheter mềm. Nhiều kiểu cong khác nhau. Chiều dài: từ 80 cm đến 120 cm	Cái	400
23	VT843	Catheter chẩn đoán loại 20 điện cực	Catheter chẩn đoán loại 20 điện cực. Kích thước 5F hoặc 6F hoặc 7F. Đầu catheter mềm. Nhiều kiểu cong khác nhau. Chiều dài ≥ 100 cm.	Cái	20
24	VT784	Catheter đốt tưới dung dịch	Catheter đốt tưới dung dịch 1 hoặc 2 hướng. Kích cỡ: ≥ 6 F. Đầu đốt uốn cong. Nhiều lựa chọn mức độ cong. Có rãnh tưới dung dịch bao xung quanh. Chiều dài: ≥ 100 cm.	Cái	5
25	VT1013	Dây dẫn tín hiệu cho máy tạo nhịp tim	Dùng cho máy tạo nhịp. Dây điện cực vít xoắn, Cho phép chụp cộng hưởng từ (MRI). Mỗi điện cực kèm theo 1 bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu.	Cái	60
26	VT842	Điện cực tạo nhịp bó His	Điện cực tạo nhịp bó His có điện cực xoắn cố định. Kích thước dây từ 4F đến 6F, cho phép chụp cộng hưởng từ.	Bộ	10
27	VT1032	Máy phá rung ICD 1 buồng	Cấu hình gồm: Thân máy chính: 01 cái, Dây điện cực sốc: 01 cái, Dụng cụ mở đường vào mạch máu: 01 cái. Tính năng kỹ thuật của máy chính: Máy phá rung tim 1 buồng, chuẩn DF4 hoặc DF1. Cho phép chụp cộng hưởng từ (MRI). Có loại có kích thước > 30cc. Tính năng giúp phân biệt VT và SVT (Nhịp nhanh thất và nhịp nhanh trên thất). Chức năng tạo nhịp cắt cơn nhịp nhanh ATP trước khi sạc và trong khi sạc. Chuẩn kết nối dây điện cực phá rung: DF4 hoặc tương đương.	Bộ	3

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
28	VT1015	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số	Gồm tối thiểu: Thân máy chính: 01 cái; Dây điện cực tạo nhịp: 01 cái; Dụng cụ mở đường vào mạch máu: 01 cái. Máy chính: Máy tạo nhịp tim, 1 buồng có đáp ứng tần số. Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim. Tuổi thọ máy ≥ 10 năm. Tự động tạo nhịp, nhận cảm và theo dõi điện cực. Cho phép lập trình biên độ tạo nhịp an toàn. Cho phép chụp cộng hưởng từ (MRI). Chuẩn kết nối: IS-1 hoặc tương đương. Dây điện cực: Cho phép chụp cộng hưởng từ (MRI). Chuẩn kết nối: IS-1 hoặc tương đương.	Bộ	40
29	VT1016	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số	Máy tạo nhịp 1 buồng Cho phép chụp cộng hưởng từ (MRI). Thời gian hoạt động ít nhất 10 năm; Có chức năng: lưu được điện tim trong buồng tim.	Bộ/Cái	20
30	VT1028	Máy tạo nhịp 3 buồng tái đồng bộ cơ tim	Bộ bao gồm: Thân máy chính: 01 cái; Dây điện cực nhĩ phải, thất phải: 02 cái; Dây điện cực thất trái: 01 cái; phụ kiện đưa dây thất trái vào xoang vành: 01 cái; ống thông đưa dây thất trái vào xoang vành: 01 cái. Loại máy: Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ 3 buồng. Cho phép chụp cộng hưởng từ (MRI). Thời gian hoạt động ≥ 8 năm. Có thể chọn từ ≥ 10 véc-tơ tạo nhịp thất trái; Dây điện cực Cho phép chụp cộng hưởng từ (MRI), chuẩn IS-1 hoặc IS-4.	Bộ	3
31	VT1034	Máy tạo nhịp phá rung 1 buồng	Cấu hình gồm: Thân máy chính: 01 cái, Dây điện cực sốc: 01 cái, Dụng cụ mở đường vào mạch máu: 01 cái. Tính năng kỹ thuật của máy chính: Máy phá rung tim 1 buồng, chuẩn DF4 hoặc DF1. Cho phép chụp cộng hưởng từ (MRI). Có loại có kích thước ≤ 30 cc. Tính năng giúp phân biệt VT và SVT (Nhịp nhanh thất và nhịp nhanh trên thất). Chức năng tạo nhịp cắt cơn nhịp nhanh ATP trước khi sạc và trong khi sạc.. Chuẩn kết nối dây điện cực phá rung: DF4 hoặc tương đương.	Bộ	2

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
32	VT1020	Máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng tần số	Cấu hình gồm: Thân máy chính: 01 máy; Dây điện cực tạo nhịp: 02 cái; Dụng cụ mở đường vào mạch máu: 2 cái. Tính năng kỹ thuật của máy chính: Máy tạo nhịp tim 2 buồng, có đáp ứng tần số. Cho phép chụp cộng hưởng từ (MRI). Lưu điện tâm đồ trong tim. Tuổi thọ máy ≥ 10 năm. Chuẩn kết nối: IS-1 hoặc tương đương. Tính năng kỹ thuật của dây điện cực: Cho phép chụp cộng hưởng từ (MRI). Chuẩn kết nối: IS-1 hoặc tương đương.	Bộ	80
33	VT1021	Máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng tần số	Cấu hình gồm: Thân máy chính: 01 máy; Dụng cụ mở đường vào mạch máu: 2 cái. Tính năng kỹ thuật của máy chính: Máy tạo nhịp tim 2 buồng, có đáp ứng tần số. Cho phép chụp cộng hưởng từ (MRI). Lưu điện tâm đồ trong tim. Tuổi thọ máy ≥ 10 năm. Chuẩn kết nối: IS-1 hoặc tương đương. Tính năng kỹ thuật của dây điện cực: Cho phép chụp cộng hưởng từ (MRI). Chuẩn kết nối: IS-1 hoặc tương đương.	Bộ/Cái	20
34	VT1024	Máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng tần số	Cấu hình gồm: Thân máy chính: 01 máy; Dây điện cực tạo nhịp: 02 cái; Dụng cụ mở đường vào mạch máu: 2 cái. Tính năng kỹ thuật của máy chính: Máy tạo nhịp tim 2 buồng, có đáp ứng tần số. Lưu điện tâm đồ trong tim. Tuổi thọ máy ≥ 10 năm. Chuẩn kết nối: IS-1 hoặc tương đương. Tính năng kỹ thuật của dây điện cực: Cho phép chụp cộng hưởng từ (MRI). Chuẩn kết nối: IS-1 hoặc tương đương.	Bộ	20
35	BS1	Máy tạo nhịp tim 2 buồng không đáp ứng tần số	Cấu hình gồm: Thân máy chính: 01 máy; Dây điện cực tạo nhịp: 02 cái; Dụng cụ mở đường vào mạch máu: 2 cái. Máy chính: Máy tạo nhịp tim 2 buồng, không đáp ứng tần số, chụp được cộng hưởng từ; Lưu điện tâm đồ bên trong tim. Tuổi thọ máy ≥ 10 năm. Chuẩn kết nối: IS-1 hoặc tương đương. Dây điện cực: Cho phép chụp cộng hưởng từ (MRI). Chuẩn kết nối: IS-1 hoặc tương đương.	Bộ	20

Tổng tiền dự kiến: 38.289.390.000 VND (Bằng chữ: Ba mươi tám tỷ, hai trăm tám mươi chín triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng)